**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | **SỐ TRANG** |
| **I** | **Lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Môi trường** |  |
| 1 | Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích | 3 |
| **II** | **Lĩnh vực Phòng chống thiên tai** |  |
| 2 | Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu | 5 |
| 3 | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh | 8 |
| 4 | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai | 18 |
| 5 | Thủ tục hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. | 21 |
| 6 | Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội | 29 |
| **III** | **Lĩnh vực Thủy lợi** |  |
| 7 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước ( đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện) | 37 |
| 8 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã | 42 |
| 9 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã | 44 |
| **IV** | **Lĩnh vực Trồng trọt** |  |
| 10 | Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa | 46 |
| 11 | Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp | 51 |

**1. Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích**

**Mã thủ tục:** 1.004082

**Số quyết định:** QĐ/0001-TNMT

**Tên thủ tục**: Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích

**Cấp thực hiện:** Cấp Xã

**Loại thủ tục:** TTHC được luật giao quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Môi trường

**Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Nộp hồ sơ Tổ chức, cá nhân sau khi thực hiện thỏa thuận, ký Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích với Bên cung cấp, nộp hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp xã để xem xét xác nhận hợp đồng.  
Bước 2: Kiểm tra xem xét xác nhận Hợp đồng Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nguồn gen ngoài tự nhiên hoặc nơi đăng ký trụ sở của Bên cung cấp có trách nhiệm xác nhận Hợp đồng do tổ chức, cá nhân đề nghị.

**Cách thức thực hiện:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 3 Ngày làm việc | Không | Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ. |
| Dịch vụ bưu chính | 3 Ngày làm việc | Không | Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ. |
| Trực tuyến (mức 3,4) | 3 Ngày làm việc | Không | Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ. |

**Thành phần hồ sơ:**

Bao gồm

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| Bản sao văn bản xác nhận đăng ký tiếp cận nguồn gen được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Hợp đồng đã ký giữa các bên liên quan; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Xuất trình bản chính một trong các giấy tờ là hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người đề nghị xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

**Đối tượng thực hiện:**

Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài

**Cơ quan thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Cơ quan có thẩm quyền:** Không có thông tin

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã

**Cơ quan được ủy quyền**: Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Xác nhận vào Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích.

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 của Quốc hội;

- Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/05/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;

- Quyết định số 3840/QĐ-BNN-KHCN ngày 01/09/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20/08/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

Người đề nghị xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích cung cấp một trong các giấy tờ là hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân.

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin

**2. Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu**

**Mã thủ tục:** 2.002163

**Số quyết định:** 3499/QĐ-BNN-PCTT

**Cấp thực hiện:** Cấp Xã

**Loại thủ tục:** TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết

**Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Các hộ chăn nuôi tập trung kê khai trong thời gian 15 ngày kể từ khi bắt đầu chăn nuôi và gửi bản đăng ký kê khai đến UBND cấp xã. Các hộ nuôi trồng thủy sản kê khai khi thực hiện nuôi trồng thủy sản và bản gửi đăng ký kê khai đến UBND cấp xã.  
Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản kê khai, UBND cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận kê khai đối với các hộ chăn nuôi tập trung. Đối với các hộ nuôi trồng thủy sản thực hiện kê khai, UBND xã xác nhận ngay khi thực hiện nuôi trồng.

**Cách thức thực hiện:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 07 Ngày làm việc | Không | Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản kê khai. |
| Dịch vụ bưu chính | 07 Ngày làm việc | Không | Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản kê khai. |
| Trực tuyến (mức 3,4) | 07 Ngày làm việc | Không | Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản kê khai. |

**Thành phần hồ sơ:**

Bao gồm

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 02/2017/NĐ-CP. | Mẫu số 6 PCTT.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

**Đối tượng thực hiện:**

Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

**Cơ quan thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Cơ quan có thẩm quyền:** Không có thông tin

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** UBND cấp xã xác nhận vào bản kê khai

**Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ;

- Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT ngày 11/09/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

- Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20/08/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** Không có thông tin

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin

Các biểu mẫu đính kèm:

**Mẫu số 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**BẢN KÊ KHAI**

**Số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường …………………..

Họ, tên chủ cơ sở: ………………………………………………………………...

Địa chỉ liên hệ: ……………………………………………………………………

Số điện thoại ………………., Fax ………..Email (nếu có):.................................

Đăng ký chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đối tượng nuôi** | **Địa điểm** | **Diện tích nuôi (m2)** | **Thời gian bắt đầu nuôi (ngày, tháng) (dự kiến đối với thủy sản)** | **Số lượng giống dự kiến nuôi/thả (con)** | **Thời gian thu hoạch/xuất chuồng dự kiến (tháng, năm)** | **Sản lượng dự kiến** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |

Những vấn đề khác:

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| *………, ngày ……. tháng ……. năm………* **Xác nhận của UBND xã/phường** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | *………, ngày ……. tháng ……. năm……* **CHỦ CƠ SỞ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)* |
| *…………, ngày ……. tháng ……. năm ………* **Xác nhận của Cơ quan chuyên môn (nếu có)** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | |

**3. Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh**

**Mã thủ tục:** 2.002162

**Số quyết định:** 3499/QĐ-BNN-PCTT

**Cấp thực hiện:** Cấp Xã

**Loại thủ tục:** TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết

**Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Khi bị thiệt hại, các hộ sản xuất phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn, tiến hành thống kê, đánh giá thiệt hại, hoàn thiện hồ sơ gửi trực tiếp lên Ủy ban nhân dân cấp xã. Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập hội đồng kiểm tra để lập biên bản kiểm tra, xác minh mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ cụ thể của từng hộ sản xuất; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương. Bước 3: Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định và quyết định hỗ trợ theo thẩm quyền hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương. Bước 4: Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có trách nhiệm thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và bố trí ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để đáp ứng kịp thời nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh theo quy định chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

**Cách thức thực hiện:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 15 Ngày làm việc |  | Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân các cấp nhận được hồ sơ hợp lệ. |

**Thành phần hồ sơ:**

Bao gồm

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh theo mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ. | Phụ lục I (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5).docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có). | Mẫu số 6 PCTT.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Bảng thống kê thiệt hại do dịch bệnh có xác nhận của thôn, bản, khu dân cư. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Bảng tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP (đối với cấp huyện, cấp xã) | Phụ lục II (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6).docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

**Đối tượng thực hiện:**

Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã

**Cơ quan thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Cơ quan có thẩm quyền:** Không có thông tin

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Không có thông tin

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:**

Văn bản trả lời hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng.

**Căn cứ pháp lý:**

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 02/2017/NĐ-CP | Về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh | 09-01-2017 | Chính phủ |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

- Sản xuất không trái với quy hoạch, kế hoạch và hướng dẫn sản xuất nông nghiệp của chính quyền địa phương. - Có đăng ký kê khai ban đầu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với chăn nuôi tập trung (trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã) và nuôi trồng thủy sản hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có). - Thiệt hại xảy ra khi đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với dịch bệnh theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương. - Thời điểm xảy ra thiệt hại: Trong khoảng thời gian từ khi công bố dịch đến khi công bố hết dịch. Trường hợp đặc biệt, ngay từ khi phát sinh ổ dịch đầu tiên (chưa đủ điều kiện công bố dịch) cần phải tiêu hủy gia súc, gia cầm theo yêu cầu của công tác phòng, chống dịch để hạn chế dịch lây lan thì thời điểm xảy ra thiệt hại là khoảng thời gian từ khi phát sinh ổ dịch đến khi kết thúc ổ dịch.

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin

**Phụ lục I**

**Mẫu số 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thiệt hại đối với cây trồng do thiên tai (hoặc dịch bệnh)**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai vàTìm kiếm cứu nạn xã, phường…..... (đối với thiên tai); - Ủy ban nhân dân xã, phường .….. (đối với dịch bệnh). |

Tôi tên là: ………………………………………………………………………

Địa chỉ: …………………………………………………………………………

Kê khai diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiên tai/dịch bệnh như sau:

Đợt thiên tai/dịch bệnh: …………………………………………………………

1. Đối tượng: ……………………………………………………………………

Thời điểm gieo, trồng: …………………………………………………………..

Diện tích thiệt hại: …………………………………..ha.

Vị trí đất gieo, trồng: ……………………………………………………………

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ……………………………ha

Thiệt hại trên 70% là: ……………………………….ha

2. Đối tượng: …………………………………………………………………….

Thời điểm gieo, trồng: …………………………………………………………..

Diện tích thiệt hại: …………………………………..ha.

Vị trí đất gieo, trồng: …………………………………………………………….

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ……………………………ha

Thiệt hại trên 70% là: ……………………………….ha

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của …………………………………..

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* | *………,ngày ….. tháng ….. năm 20………* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**Mẫu số 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thiệt hại sản xuất lâm nghiệp do thiên tai (hoặc dịch bệnh)**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai); - Ủy ban nhân dân xã, phường ….. (đối với dịch bệnh). |

Tôi tên là: ………………………………………………………………………

Địa chỉ: ………………………………………………………………………

Kê khai diện tích bị thiệt hại do thiên tai (hoặc dịch bệnh) trong sản xuất lâm nghiệp như sau:

Đợt thiên tai (hoặc dịch bệnh): ………………………………………………....

1. Đối với diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại:

a) Đối với diện tích cây rừng:

Đối tượng trồng: …………………… Tuổi rừng: ………………………………

Thời điểm trồng: ……………………………………………………………….

Diện tích thiệt hại: ………………………ha.

Vị trí trồng rừng: ……………………………………………………………….

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ………………ha

Thiệt hại trên 70% là: ………………….ha

b) Đối với các loài cây lâm sản ngoài gỗ:

Vị trí: ……………………………………………………………………………

Thời điểm trồng: ………………………………………………………………..

Loài cây: …………………………………………………………………………

Số lượng thiệt hại: …………………………….ha

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ………………………ha

Thiệt hại trên 70% là: ………………………….ha

c) Đối với vườn giống:

Thời điểm xây dựng: …………………………………………………………….

Diện tích thiệt hại: ……………………………ha

Vị trí: …………………………………………………………………………….

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ……………………..ha

Thiệt hại trên 70% là: ………………………...ha

d) Đối với rừng giống:

Thời điểm xây dựng: ……………………………………………………………

Loại rừng giống: …………………………………………………………………

Diện tích thiệt hại: …………………………..ha

Vị trí: …………………………………………………………………………….

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ……………………..ha

Thiệt hại trên 70% là: ………………………..ha

2. Đối với cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:

Vị trí: …………………………………………………………………………….

Thời điểm trồng: …………………………………………………………………

Loài cây: ………………………………………………………………………….

Diện tích thiệt hại: …………………………ha

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ………………….ha

Thiệt hại trên 70% là: ……………………..ha

3. Đối với trồng cây phân tán:

Vị trí: ……………………………………………………………………………

Loài cây: ………………………………………………………………………….

Số lượng thiệt hại: ………………………cây

Hồ sơ lưu gồm có: ………………………………………………………………

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của ………………………………….

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn, toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* | *………,ngày ….. tháng ….. năm 20………* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**Mẫu số 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thiệt hại nuôi trồng thủy sản do thiên tai (hoặc dịch bệnh)**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai); - Ủy ban nhân dân xã, phường ….. (đối với dịch bệnh). |

Tôi tên là: ………………………………………………………………………

Địa chỉ: ………………………………………………………………………

Kê khai diện tích nuôi trồng thủy sản và diện tích bị thiệt hại do thiên tai (hoặc dịch bệnh) như sau:

Đợt thiên tai (hoặc dịch bệnh): ………………………………………………….

Loài thủy sản nuôi: …………………………………………………………..

Tổng diện tích mặt nước nuôi thủy sản: ……………………..ha.

Vị trí khu vực nuôi: ……………………………………………………………

Thời điểm thả giống: …………………………………………………………..

Số lượng giống thả nuôi: ………………… con, nguồn gốc: ………………

Hồ sơ lưu về giống gồm có: …………………………………………………….

Hình thức nuôi: …………………………………………………………………

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ……………ha hoặc …………………………m3lồng.

Thiệt hại trên 70% là: ………………ha hoặc ………………………..m3lồng.

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của …………………………………..

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* | *………,ngày ….. tháng ….. năm 20………* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**Mẫu số 4**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thiệt hại chăn nuôi do thiên tai (hoặc dịch bệnh)**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai); - Ủy ban nhân dân xã, phường ….. (đối với dịch bệnh). |

Tôi tên là: ………………………………………………………………………

Địa chỉ: …………………………………………………………………………

Kê khai số lượng gia súc, gia cầm bị thiệt hại do thiên tai (hoặc dịch bệnh) như sau:

Đợt thiên tai (hoặc dịch bệnh): ………………………………………………….

1. Đối tượng nuôi 1: ………….………. Tuổi vật nuôi: ……………………..…

Số lượng: …………………………….. con.

2. Đối tượng nuôi 2: …………………. Tuổi vật nuôi: …………………………

Số lượng: ………………………… con.

3. Đối tượng nuôi 3: ………………….. Tuổi vật nuôi: …………………….

Số lượng: …………………………con.

Hồ sơ lưu gồm có: ……………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của …………………………………..

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* | *………,ngày ….. tháng ….. năm 20………* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**Mẫu số 5**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ sản xuất muối thiệt hại do thiên tai**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... |

Tôi tên là: ………………………………………………………………………

Địa chỉ: …………………………………………………………………………

Kê khai diện tích sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai như sau:

Đợt thiên tai: ………………………………………………………………….

Diện tích bị thiệt hại: ……………………………………….. ha

Vị trí sản xuất muối: ……………………………………………………

Thời điểm bắt đầu sản xuất: …………………………………………………….

Diện tích thiệt hại: ……………………………………….ha

Thiệt hại từ 30 - 70% là: …………………………………ha

Thiệt hại trên 70% là: …………………………………….ha

Hồ sơ lưu gồm có: ………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).......................xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của …………………..

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* | *………,ngày ….. tháng ….. năm 20………* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**Mẫu số 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**BẢN KÊ KHAI**

**Số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường …………………..

Họ, tên chủ cơ sở: ………………………………………………………………...

Địa chỉ liên hệ: ……………………………………………………………………

Số điện thoại ………………., Fax ………..Email (nếu có):.................................

Đăng ký chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đối tượng nuôi** | **Địa điểm** | **Diện tích nuôi (m2)** | **Thời gian bắt đầu nuôi (ngày, tháng) (dự kiến đối với thủy sản)** | **Số lượng giống dự kiến nuôi/thả (con)** | **Thời gian thu hoạch/xuất chuồng dự kiến (tháng, năm)** | **Sản lượng dự kiến** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| .. |  |  |  |  |  |  |  |  |

Những vấn đề khác:

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| *………, ngày ……. tháng ……. năm………* **Xác nhận của UBND xã/phường** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | *………, ngày ……. tháng ……. năm……* **CHỦ CƠ SỞ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)* |
| *…………, ngày ……. tháng ……. năm ………* **Xác nhận của Cơ quan chuyên môn (nếu có)** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | |

**4. Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai**

**Mã thủ tục:** 2.002161

**Số quyết định:** 3499/QĐ-BNN-PCTT

**Cấp thực hiện:** Cấp Xã

**Loại thủ tục:** TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết

**Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Khi bị thiệt hại, các hộ sản xuất phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn, tiến hành thống kê, đánh giá thiệt hại, hoàn thiện hồ sơ gửi trực tiếp lên Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã. Bước 2: Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập hội đồng kiểm tra với sự tham gia, phối hợp của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã để kiểm tra, xác nhận thiệt hại; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương. Bước 3: Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện tổ chức thẩm định và quyết định hỗ trợ theo thẩm quyền hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.Bước 4: Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và bố trí ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để đáp ứng kịp thời nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai theo quy định chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương. Bước 5: Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai để phục vụ công tác chỉ đạo.

**Cách thức thực hiện:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 15 Ngày làm việc |  | Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân các cấp nhận được hồ sơ hợp lệ. |

**Thành phần hồ sơ:**

Bao gồm

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do thiên tai theo Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ. | Phụ lục I (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5).docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ. | Mẫu số 6 PCTT.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Bảng thống kê thiệt hại do thiên tai có xác nhận của thôn, bản, khu dân cư. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Bảng tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP (đối với cấp huyện, cấp xã) | Phụ lục II (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6).docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

**Đối tượng thực hiện:**

Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã

**Cơ quan thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Cơ quan có thẩm quyền:** Không có thông tin

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Không có thông tin

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:**Văn bản trả lời hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng.

**Căn cứ pháp lý:**

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 02/2017/NĐ-CP | Về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh | 09-01-2017 | Chính phủ |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

- Sản xuất không trái với quy hoạch, kế hoạch và hướng dẫn sản xuất nông nghiệp của chính quyền địa phương. - Có đăng ký kê khai ban đầu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với chăn nuôi tập trung (trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã) và nuôi trồng thủy sản hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có). - Thiệt hại xảy ra khi đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với thiên tai theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương. - Thời điểm xảy ra thiệt hại:Trong thời gian xảy ra thiên tai trên địa bàn được Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn địa phương xác nhận.

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin

**5. Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội**

**Mã thủ tục**: 1.010091

**Số quyết định:** 3461/QĐ-BNN-PCTT

**Cấp thực hiện:** Cấp Xã

**Loại thủ tục**:TTHC được luật giao quy định chi tiết

**Lĩnh vực**: Phòng, chống thiên tai

**Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp lập 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân xã.

Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã lập 01 bộ hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.  
Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hỗ trợ kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã

Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định trợ cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện chi trả kinh phí khám chữa bệnh cho đối tượng được hưởng; việc chi trả bằng hình thức chuyển khoản hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nhận ở cấp xã

Đối với trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, cơ quan cấp huyện, xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn để bổ sung, hoàn thiện.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| - Trực tiếp | 25 Ngày làm việc | Không | 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể: - 10 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; - 05 ngày làm việc đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; - UBND cấp xã chi trả kinh phí khám chữa bệnh cho đối tượng được hưởng: 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định trợ cấp. Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan cấp huyện, cấp xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn để bổ sung, hoàn thiện. |
| - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính | 25 Ngày làm việc | Không | 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể: - 10 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; - 05 ngày làm việc đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; - UBND cấp xã chi trả kinh phí khám chữa bệnh cho đối tượng được hưởng: 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định trợ cấp. Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan cấp huyện, cấp xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn để bổ sung, hoàn thiện. |
| - Nộp hồ sơ trực tuyến | 25 Ngày làm việc | Không | 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể: - 10 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; - 05 ngày làm việc đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; - UBND cấp xã chi trả kinh phí khám chữa bệnh cho đối tượng được hưởng: 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định trợ cấp. Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan cấp huyện, cấp xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn để bổ sung, hoàn thiện. |

**Thành phần hồ sơ:**

\* Trường hợp hỗ trợ khám chữa bệnh

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Trường hợp người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp gửi hồ sơ về Ủy ban nhân dân xã, thành phần hồ sơ bao gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Đơn đề nghị thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ; | PHỤ LỤC VI.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Phiếu xét nghiệm, đơn thuốc, hóa đơn thu tiền, giấy xuất viện. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Trường hợp UBND cấp xã lập hồ sơ gửi UBND cấp huyện, thành phần hồ sơ bao gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Tờ trình; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Đơn đề nghị thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ; | PHỤ LỤC VI.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Phiếu xét nghiệm, đơn thuốc, hóa đơn thu tiền, giấy xuất viện. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Trường hợp trợ cấp tai nạn

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Trường hợp người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp gửi hồ sơ về UBND cấp xã, thành phần hồ sơ gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Đơn đề nghị trợ cấp tại nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ; | PHỤ LỤC VII.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Giấy ra viện; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông) |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Trường hợp UBND cấp xã lập hồ sơ gửi UBND cấp huyện, thành phần hồ sơ gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Tờ trình; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ; | PHỤ LỤC VII.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Giấy ra viện; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông) |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

**Đối tượng thực hiện:** Công dân Việt Nam

**Cơ quan thực hiện:** Uỷ ban Nhân dân cấp xã, phường, thị trấn

**Cơ quan có thẩm quyền:** Uỷ ban nhân dân huyện

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã

**Cơ quan được ủy quyền:**Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Quyết định hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho đối tượng được hưởng

**Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/07/2021 của Chính phủ;

- Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20/08/2021 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

- Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã bị ốm đau, tai nạn, bị thương trong thời gian thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, tham gia huấn luyện, diễn tập phòng chống thiên tai và các nhiệm vụ khác theo sự điều động của cấp có thẩm quyền được khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại khoản 2, Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ- CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ; - Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã bị ốm đau, bị thương do cố ý tự hủy hoại sức khỏe của bản thân, sử dụng các chất kích thích, chất ma túy, chất gây nghiện thì không được hưởng chế độ theo quy định tại khoản 2, Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ.

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin

**PHỤ LỤC VI**

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN CHI PHÍ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH  
*(Kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh**

Kính gửi: .......................(1) ...........................

Họ và tên người đề nghị: ..................…………….(2) …………………..

Địa chỉ thường trú: ................. Số điện thoại: .............................................

Số Chứng minh nhân dân (Căn cước công dân): .........................................

Số tài khoản: ................................................................................................

(Trình bày tóm tắt lý do, thời gian, nơi khám bệnh, chữa bệnh...)

Căn cứ quy định của pháp luật, tôi xin đề nghị được thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho .................................... (3) ....................................

Số tiền đề nghị thanh toán là: ............................................................đồng.

Bằng chữ .....................................................................................................

Xin gửi kèm theo Đơn này: Phiếu xét nghiệm; đơn thuốc; hóa đơn thu tiền; giấy ra viện.

Kính đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

|  |  |
| --- | --- |
|  | *.... (4) .... ngày.... tháng.... năm.....* **NGƯỜI LÀM ĐƠN** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

(1) Gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

(2) Trường hợp xung kích cấp xã trực tiếp viết đơn phải ghi rõ đội, tổ xung kích; trường hợp người đại diện hợp pháp của dân quân viết đơn, phải ghi rõ quan hệ với xung kích và đội, tổ của xung kích được hưởng chính sách.

(3) Đối tượng thụ hưởng chính sách.

(4) Địa danh.

**PHỤ LỤC VII**

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRỢ CẤP TAI NẠN, TIỀN TUẤT  
*(Kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
Trợ cấp tai nạn, tiền tuất**

Kính gửi: ..................(1) ......................

Họ và tên người đề nghị: ....................................(2) ...................................

Địa chỉ thường trú: .................................... Số điện thoại: ..........................

Số Chứng minh nhân dân (Căn cước công dân): .........................................

Số tài khoản: ..............................................................................................

(Trình bày tóm tắt lý do, thời gian, nơi bị tai nạn hoặc chết)

Căn cứ quy định của pháp luật, tôi xin đề nghị được thanh toán trợ cấp tai nạn (tiền tuất) cho ....................... (3) ....................................

Số tiền đề nghị thanh toán là: ........................................................... đồng.

Bằng chữ ......................................................................................................

Xin gửi kèm theo Đơn này: Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án sau khi điều trị tai nạn đối với trường hợp điều trị nội trú hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích; biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên; Bản sao giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử (nếu chết); Bản sao Chứng minh nhân dân (căn cước công dân).

Kính đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

|  |  |
| --- | --- |
|  | *.... (4) .... ngày.... tháng.... năm......* **NGƯỜI LÀM ĐƠN** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

(1) Gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

(2) Trường hợp xung kích cấp xã trực tiếp viết đơn phải ghi rõ đội, tổ xung kích; trường hợp người đại diện hợp pháp của dân quân viết đơn, phải ghi rõ quan hệ với xung kích và đội, tổ của xung kích được hưởng chính sách.

(3) Đối tượng thụ hưởng chính sách.

(4) Địa danh.

**6. Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội**

**Mã thủ tục:** 1.010092

**Số quyết định:** 3461/QĐ-BNN-PCTT

**Cấp thực hiện:** Cấp Xã

**Loại thủ tục:** TTHC được luật giao quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Phòng, chống thiên tai

**Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp lập 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân xã.

Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã lập 01 bộ hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trình, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập 01 bộ hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trợ cấp tai nạn, bị chết cho người tham gia lực lượng xung kích.

Bước 5: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định trợ cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng; việc chi trả bằng hình thức chuyển khoản hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nhận ở cấp xã.

Đối với trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, cơ quan cấp tỉnh, huyện, xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn để bổ sung, hoàn thiện.

**Cách thức thực hiện:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| - Nộp hồ sơ trực tiếp | 30 Ngày làm việc | Không | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể: - 10 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; - 05 ngày làm việc đối Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; - 05 ngày làm việc đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng: 10 ngày làm việc. Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan cấp tỉnh, huyện, cấp xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn để bổ sung, hoàn thiện. |
| - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính | 30 Ngày làm việc | Không | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể: - 10 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; - 05 ngày làm việc đối Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; - 05 ngày làm việc đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng: 10 ngày làm việc. Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan cấp tỉnh, huyện, cấp xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn để bổ sung, hoàn thiện. |
| - Nộp hồ sơ trực tuyến mức 3, 4 | 30 Ngày làm việc | Không | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể: - 10 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; - 05 ngày làm việc đối Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; - 05 ngày làm việc đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng: 10 ngày làm việc. Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan cấp tỉnh, huyện, cấp xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn để bổ sung, hoàn thiện. |

**Thành phần hồ sơ:**

\* Trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Trường hợp người tham gia lực lượng xung kích phòng chống tiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp gửi hồ sơ về UBND cấp xã, thành phần hồ sơ gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính p | PHỤ LỤC VII.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Giấy ra viện; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông) |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Trường hợp UBND cấp xã lập hồ sơ gửi UBND cấp huyện, thành phần hồ sơ gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Tờ trình; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ; | PHỤ LỤC VII.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Giấy ra viện; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông) |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Trường hợp UBND cấp huyện lập hồ sơ gửi UBND cấp tỉnh, thành phần hò sơ gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Tờ trình; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Giấy ra viện; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Trường hợp trợ cấp tiền tuất:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Trường hợp người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp gửi hồ sơ về UBND cấp xã, thành phần hồ sơ gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Đơn đề nghị trợ cấp tiền tuất theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ; | PHỤ LỤC VII.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông) |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Trường hợp UBND cấp xã lập hồ sơ gửi UBND cấp huyện, thành phần hồ sơ gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Tờ trình; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Đơn đề nghị trợ cấp tiền tuất theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ; | PHỤ LỤC VII.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông) |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Trường hợp UBND cấp huyện lập hồ sơ gửi UBND cấp tỉnh, thành phần hò sơ gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Tờ trình; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Đơn đề nghị trợ cấp tiền tuất theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ; | PHỤ LỤC VII.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông) |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

**Đối tượng thực hiện:** Công dân Việt Nam

**Cơ quan thực hiện:** Uỷ ban Nhân dân cấp xã, phường, thị trấn

**Cơ quan có thẩm quyền:** Không có thông tin

Địa chỉ tiếp nhận HS: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Quyết định trợ cấp tai nạn, tiền tuất cho đối tượng được trợ cấp

**Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/07/2021 của Chính phủ;

- Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20/08/2021 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

- Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã bị tai nạn, bị chết trong thời gian thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, tham gia huấn luyện, diễn tập phòng chống thiên tai và các nhiệm vụ khác theo sự điều động của cấp có thẩm quyền được trợ cấp theo khoản 3, Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ; - Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã bị tai nạn, bị chết do cố ý tự hủy hoại sức khỏe của bản thân, sử dụng các chất kích thích, chất ma túy, chất gây nghiện thì không được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định tại khoản 3, Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ.

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin

**PHỤ LỤC VII**

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRỢ CẤP TAI NẠN, TIỀN TUẤT  
*(Kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
Trợ cấp tai nạn, tiền tuất**

Kính gửi: ..................(1) ......................

Họ và tên người đề nghị: ....................................(2) ...................................

Địa chỉ thường trú: .................................... Số điện thoại: ..........................

Số Chứng minh nhân dân (Căn cước công dân): .........................................

Số tài khoản: ..............................................................................................

(Trình bày tóm tắt lý do, thời gian, nơi bị tai nạn hoặc chết)

Căn cứ quy định của pháp luật, tôi xin đề nghị được thanh toán trợ cấp tai nạn (tiền tuất) cho ....................... (3) ....................................

Số tiền đề nghị thanh toán là: ........................................................... đồng.

Bằng chữ ......................................................................................................

Xin gửi kèm theo Đơn này: Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án sau khi điều trị tai nạn đối với trường hợp điều trị nội trú hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích; biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên; Bản sao giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử (nếu chết); Bản sao Chứng minh nhân dân (căn cước công dân).

Kính đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

|  |  |
| --- | --- |
|  | *.... (4) .... ngày.... tháng.... năm......* **NGƯỜI LÀM ĐƠN** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

(1) Gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

(2) Trường hợp xung kích cấp xã trực tiếp viết đơn phải ghi rõ đội, tổ xung kích; trường hợp người đại diện hợp pháp của dân quân viết đơn, phải ghi rõ quan hệ với xung kích và đội, tổ của xung kích được hưởng chính sách.

(3) Đối tượng thụ hưởng chính sách.

(4) Địa danh.

**7. Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)**

**Mã thủ tục:** 2.001621.000.00.00.H36

**Số quyết định:** 2511/QĐ-UBND

**Cấp thực hiện:** Cấp Xã

**Loại thủ tục:** TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Thủy lợi

**Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ gửi hồ sơ đến Bộ phận Một cửa UBND cấp xã. để thực hiện xem xét thanh toán, giải ngân.

Bước 2: Đối với hồ sơ chưa đầy đủ hợp lệ, UBND cấp xã đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc từ chối thực hiện nếu hồ sơ không hợp lệ.

Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt UBND cấp xã thanh toán nguồn vốn hỗ trợ cho người đề nghị hỗ trợ trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**Cách thức thực hiện:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| - Nộp hồ sơ trực tiếp | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Không |  |
| - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Không |  |
| - Nộp hồ sơ trực tuyến mức 3, 4 | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Không |  |

**Thành phần hồ sơ:**

Bao gồm

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018; | Phụ lục NĐ77.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Hồ sơ được phê duyệt; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Biên bản nghiệm thu giai đoạn hoặc nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

**Đối tượng thực hiện:**

Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài

**Cơ quan thực hiện:** UBND cấp xã

**Cơ quan có thẩm quyền:** Không có thông tin

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã.

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Thanh toán giải ngân vốn hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/06/2017;

- Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/05/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

- Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/06/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20/08/2021 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

- Đối với Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước: + Phù hợp với quy hoạch chung xây dựng xã; + Đảm bảo cấp nước, tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp cho tối thiểu 3 thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở; được tất cả các thành viên hưởng lợi đồng thuận đóng góp phần kinh phí còn lại; tổ chức thủy lợi cơ sở tự quản lý, khai thác công trình sau đầu tư. - Hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: + Đối với cá nhân: Quy mô khu tưới phải đạt từ 0,3 ha trở lên; riêng khu vực miền núi từ 0,1 ha trở lên; việc hỗ trợ cho cá nhân được thông qua tổ chức thủy lợi cơ sở. + Đối với tổ chức thủy lợi cơ sở: Quy mô khu tưới phải đạt từ 02 ha trở lên; riêng khu vực miền núi từ 01 ha trở lên và phải có hợp đồng liên kết với hộ gia đình hoặc cá nhân trực tiếp sản xuất; + Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước tưới phục vụ các loại cây trồng là cây trồng chủ lực của quốc gia, địa phương, có lợi thế, phù hợp với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu từng vùng, miền.

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin

**PHỤ LỤC**

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ  
*(KèmtheoNghịđịnhsố 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 củaChínhphủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độclập - Tự do - Hạnhphúc   
---------------**

*…………….., ngày…… tháng…….. năm 20....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Vềviệchỗtrợpháttriểnthủylợinhỏ, thủylợinộiđồng, tướitiêntiến, tiếtkiệmnước**

Kínhgửi: Ủy ban nhândânxã………..

Tên tổ chức thủy lợi cơ sở/cá nhân: ................................................................................

Địa chỉ: ...........................................................................................................................

Điện thoại: ......................................................................................................................

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã………hỗ trợ đầu tư xây dựng côngtrình……. vớicácnội dung sau:

1. Têncôngtrình: ............................................................................................................... ;

2. Chủ đầu tư: ................................................................................................................... ;

3. Địađiểmxâydựng: ........................................................................................................ ;

4. Mụctiêuđầu tư...............................................................................................................

5. Quymôcông trình:......................................................................................................... ;

- Diệntíchphụcvụtưới:…………………………..ha.

- Diệntíchđấtxâydựngcôngtrình:…………………..m2.

- Thôngsốkỹthuậtchủyếu.

6. Sốđốitượngđượchưởnglợitừcông trình:.............................................................. hộ.

7. Tổngkinhphíđầutưxâydựngcông trình:............................................................. đồng.

Trongđó:

+ Kinhphíđềnghịnhànướchỗtrợ:…………………………….đồng, tươngđương ...%

+ Kinhphícácđốitượnghưởnglợiđónggóp:........................................................... đồng.

+ Kinhphíhuyđộngkhác (nếu có):.......................................................................... đồng.

ĐềnghịỦy ban nhândânxã………..xemxétgiảiquyết./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ** *(Kývàghiđầyđủhọtên)* |

**8. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã**

**Mã thủ tục:** 1.003446.000.00.00.H36

**Số quyết định:** 2511/QĐ-UBND

**Cấp thực hiện:** Cấp Xã

**Loại thủ tục:**TTHC được luật giao quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Thủy lợi

**Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến Bộ phận Một cửa UBND cấp xã.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

**Cách thức thực hiện:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| - Nộp hồ sơ trực tiếp | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Không |  |
| - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Không |  |
| - Nộp hồ sơ trực tuyến mức 3,4 | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Không |  |

**Thành phần hồ sơ:**

Bao gồm

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Dự thảo phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

**Đối tượng thực hiện:** Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

**Cơ quan thực hiện:** UBND cấp xã

**Cơ quan có thẩm quyền:** Không có thông tin

**Địa chỉ tiếp nhận HS**: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp xã

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Phương án được phê duyệt

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/06/2017;

- Khoản 1; khoản 3, điểm a khoản 4; điểm a khoản 5; Điều 7 Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/09/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

- Quyết định số 4638/QĐ- BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20/08/2021 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** Không có thông tin

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin

**9. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã**

**Mã thủ tục:** 1.003440.000.00.00.H36

**Số quyết định:** 2511/QĐ-UBND

**Cấp thực hiện:** Cấp Xã

**Loại thủ tục:** TTHC được luật giao quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Thủy lợi

**Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến Bộ phận Một cửa UBND cấp xã.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

**Cách thức thực hiện:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| - Trực tiếp | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Không |  |
| - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Không |  |
| - Nộp hồ sơ trực tuyến mức 3,4 | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Không |  |

**Thành phần hồ sơ:**

Bao gồm

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Tờ trình đề nghị phê duyệt; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

**Đối tượng thực hiện:**

Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

**Cơ quan thực hiện:** UBND cấp xã

**Cơ quan có thẩm quyền:** Không có thông tin

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp xã.

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Phương án được phê duyệt

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/06/2017;

- Khoản 1; khoản 3, điểm a khoản 4; điểm a khoản 5; Điều 7 Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/09/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

- Quyết định số 4638/QĐ- BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20/08/2021 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** Không có thông tin

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin

**10. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa**

**Mã thủ tục:** 1.008004

**Số quyết định:** 151/QĐ-BNN-TT

**Cấp thực hiện:** Cấp Xã

**Loại thủ tục:** TTHC được luật giao quy định chi tiết

**Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng đất trồng lúa hợp pháp có nhu cầu chuyển đổi sang trồng cây hàng năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản; hộ gia đình, cá nhân trong nước sử dụng đất trồng lúa hợp pháp có nhu cầu chuyển sang trồng cây lâu năm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã. Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung. - Bước 3: Trường hợp bản đăng ký chuyển đổi không hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã phải hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung bản đăng ký.- Bước 4: Trường hợp bản đăng ký chuyển đổi hợp lệ và phù hợp với kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của Ủy ban nhân dân cấp xã, trong thời gian 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã có ý kiến “Đồng ý cho chuyển đổi”, đóng dấu vào bản đăng ký, vào sổ theo dõi và gửi lại cho người sử dụng đất. Trường hợp không đồng ý, Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản theo Mẫu số 05.CĐ Phụ lục X kèm theo Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

**Cách thức thực hiện:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| - Nộp hồ sơ trực tiếp | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản đăng ký chuyển đổi hợp lệ và phù hợp. | Không | Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng. |
| - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản đăng ký chuyển đổi hợp lệ và phù hợp. | Không | Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng. |
| - Nộp hồ sơ trực tuyến mức 3,4 | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản đăng ký chuyển đổi hợp lệ và phù hợp. | Không | Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng. |

**Thành phần hồ sơ:**

Bao gồm

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo Mẫu số 04.CĐ Phụ lục X kèm theo Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác. | PHỤ LỤC 1.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

**Đối tượng thực hiện:**

Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã

**Cơ quan thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Cơ quan có thẩm quyền:** Không có thông tin

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã vào Bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa.

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

- Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ;

- Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCLN, ngày 11/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20/08/2021 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

Người sử dụng đất được chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thuỷ sản nhưng phải đảm bảo các nguyên tắc sau: - Có Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng của cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Không làm mất đi các điều kiện để trồng lúa trở lại; không làm biến dạng mặt bằng, không gây ô nhiễm, thoái hóa đất trồng lúa; không làm hư hỏng công trình giao thông, công trình thủy lợi phục vụ trồng lúa; - Trường hợp chuyển trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, được sử dụng tối đa 20% diện tích đất trồng lúa để hạ thấp mặt bằng nuôi trồng thủy sản với độ sâu không quá 120 cen-ti-mét so với mặt ruộng.

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin

**Các biểu mẫu đính kèm:**

**PHỤ LỤC 1**

**MẪU ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐỔI CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT**

**CHUYÊN TRỒNG LÚA**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ)*

Mẫu số 04.CĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*----------------------*

*.... ngày ... tháng ... năm...*

BẢN ĐĂNG KÝ

CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA

-------------------------

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn): …………………

1. Tên tổ chức hoặc người đại diện của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình: ...

2. Chức vụ người đại diện tổ chức:

3. Số CMND/Thẻ căn cước Ngày cấp: Nơi cấp

Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (tổ chức) Ngày cấp: .... Nơi cấp

4. Địa chỉ: số điện thoại:

5. Diện tích chuyển đổi ... (m2, ha), thuộc thửa đất số ..., tờ bản đồ số ……….khu vực, cánh đồng …………………………………………………

6. Mục đích

a) Trồng cây hàng năm:

- Chuyển đổi từ đất 1 vụ lúa/năm: tên cây trồng , vụ

- Chuyển đổi từ đất 2 - 3 vụ lúa/năm: tên cây trồng , vụ

- Chuyển đổi từ đất lúa nương: tên cây trồng

b) Trồng cây lâu năm:

- Chuyển đổi từ đất 1 vụ lúa/năm: tên cây trồng , năm

- Chuyển đổi từ đất 2 – 3 vụ lúa/năm: tên cây trồng , năm

- Chuyển đổi từ đất lúa nương: tên cây trồng , năm

c) Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản:

- Chuyển đổi từ đất 1 vụ lúa/năm: Loại thủy sản năm

- Chuyển đổi từ đất 2 - 3 vụ lúa/năm: Loại thủy sản , năm

7. Cam kết thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch chuyển đổi của địa phương; trường hợp làm hư hỏng hệ thống giao thông thủy lợi, giao thông nội đồng sẽ có biện pháp khắc phục kịp thời và bồi thường nếu ảnh hưởng xấu tới sản xuất lúa của các hộ ở khu vực liền kề; thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất trồng lúa./.

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND CẤP XÃ TIẾP NHẬN**  *(Ký, họ tên và đóng dấu)* | NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/  **HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN**  *(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))* |

**11. Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp**

**Mã thủ tục:** 1.005412

**Số quyết định:**1707/QD-BTC

**Cấp thực hiện:** Cấp Xã

**Loại thủ tục:** TTHC được luật giao quy định chi tiết

**Trình tự thực hiện:**

a) Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, công bố của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về địa bàn được hỗ trợ, tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp lập hồ sơ đề nghị phê duyệt đối tượng được hỗ trợ và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất nông nghiệp. b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, công bố của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về địa bàn được hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp đề nghị phê duyệt đối tượng được hỗ trợ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện. c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, công bố của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về địa bàn được hỗ trợ, hồ sơ đề nghị phê duyệt đối tượng được hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi và báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thẩm định, tổng hợp danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. d) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và báo cáo thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp. Quyết định này được gửi đến Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã có liên quan. đ) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt đối tượng được hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện niêm yết công khai danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, thông báo trên hệ thống thông tin, truyền thông của xã và sao gửi cho tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp trong trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp yêu cầu.

**Cách thức thực hiện:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| - Nộp hồ sơ trực tiếp | 45 Ngày | Không |  |
| Dịch vụ bưu chính | 45 Ngày | Không | Nộp qua bưu điện |

**Thành phần hồ sơ:**

Bao gồm

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Đơn đề nghị xem xét, phê duyệt đối tượng được hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Bản kê khai về cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Tài liệu chứng minh thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp đối với trường hợp đối tượng được hỗ trợ là tổ chức sản xuất nông nghiệp. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

**Đối tượng thực hiện:**

Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

**Cơ quan thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Cơ quan có thẩm quyền:** Không có thông tin

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:**

- Danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp;, Quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ, UBND cấp xã niêm yết công khai danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm

**Căn cứ pháp lý:**

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 61/2010/QH12 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm | 24-11-2010 | Quốc Hội |
| 24/2000/QH10 | Kinh doanh bảo hiểm | 09-12-2000 | Quốc Hội |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** Không có thông tin

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin